

# VAI TRÒ TÍNH CÁCH DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở HÀN QUỐC

(CÓ SO SÁNH VỚI VIỆT NAM)

Trần Ngọc Thêm\*

## DẪN NHẬP

Một sự thật hiển nhiên mà bất cứ người nào đã tìm hiểu tình hình Hàn Quốc đều nhận thấy là, tuy còn nhiều vấn đề chung cần phải giải quyết ở các đô thị hiện đại (như giao thông, môi trường, dân cư...), nhưng tiến trình phát triển đô thị ở Seoul nói riêng và Hàn Quốc nói chung đã thành công một cách đáng kinh ngạc. Các cố gắng giải thích hiện tượng này lâu nay thường chú trọng đến những nguyên nhân kinh tế, tôn giáo, hay sự hỗ trợ từ bên ngoài, v.v. và do vậy đều tỏ ra chưa đủ sức thuyết phục. Việc tìm hiểu nguyên nhân ở yếu tố con người cũng đã được chú ý, song mới tập trung nhiều vào khâu quản lý, tổ chức... mà chưa chú ý đúng mức đến yếu tố tính cách dân tộc. Do vậy, chúng tôi cho rằng đặt việc tìm hiểu tiến trình phát triển đô thị ở Hàn Quốc và Việt Nam trong sự so sánh tính cách của hai dân tộc sẽ đóng góp một tiếng nói quan trọng trong việc học tập kinh nghiệm đô thị hóa của Hàn Quốc.

Phương pháp làm việc của chúng tôi là: (1) xác lập một hệ thống tính cách người Hàn; (2) đối chiếu xem người Việt có những tính cách khác biệt để tìm hiểu nguyên nhân thành công trong quá trình đô thị hóa ở Hàn Quốc và ngọn nguồn những hạn chế trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam.

## I. TÍNH CÁCH NGƯỜI HÀN

Về người Hàn, đã có nhiều bài viết và sách của các tác giả nước ngoài và Hàn Quốc. Ở Hàn Quốc, đáng chú ý là các công trình của Choi Choe Sok (1976), Jun Tae

Rim (1964), Kim Jae Un (1992), Ko Yong Buk (2001)... Các tác giả bàn về tính cách người Hàn thường đi theo hướng nêu lên một danh sách các ưu điểm và nhược điểm. Chẳng hạn, Choe Nam Son (1946) nêu ra "tam ưu tứ khuyết". Tam ưu là: 1) chủ nghĩa lạc quan; 2) tình yêu thuần khiết; 3) sự kiên trì, bền bỉ và dũng cảm. Còn tứ khuyết là: 1) chủ nghĩa hình thức thái quá; 2) chủ nghĩa bảo thủ suy thoái; 3) thiếu sự đoàn kết, thống nhất, hay sự sắp xếp tổ chức; 4) thiếu chính xác và có khuynh hướng chấp vạ, dàn xếp qua loa, dễ dãi<sup>1</sup>. Trên cơ sở tổng hợp các tài liệu xưa nay, Ko Yong Buk trong cuốn *Tính cách của người Hàn: bàn về sự cải cách* xuất bản năm 2001 đã liệt kê ra 23 ưu điểm và 22 nhược điểm. Còn Pak Young Sun trong cuốn *Luận Văn hóa Hàn Quốc* thì nêu ra 28 đặc trưng tạo nên tính cách người Hàn<sup>2</sup>.

Thực ra, văn hóa và tính cách của dân tộc luôn là một hệ thống, nó bị chi phối bởi những yếu tố khách quan và chủ quan thuộc môi trường tự nhiên và môi trường xã hội mà dân tộc đó tồn tại và trải qua. Theo chúng tôi, ngọn nguồn của văn hoá Hàn chủ yếu được quy định bởi ba yếu tố.

Thứ nhất, xét về môi trường sống thì Hàn Quốc ở vào một khu vực có khí hậu

\* GS.TSKH., Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>1</sup> Kim Jae Un. *The Korea: Their Mind and Behavior* (Translated by Kim Kyong-dong). Seoul Book Centre, 1992, p.32-33.

<sup>2</sup> Park Young Sun. *Luận Văn hóa Hàn Quốc*. 2002, tr.57-58, 68-69.

ôn đới với mùa đông lạnh giá, với địa hình tới 70% là núi đá, đất đai trồng trọt được rất ít và manh mún, trồng được lúa nước lại càng ít nữa, nói chung là một môi trường sống khắc nghiệt.

Thứ hai, xét về nguồn gốc dân tộc như một trong những nguồn gốc của tính cách thì tổ tiên người Hàn hiện đại là cư dân thuộc hệ ngữ Altai (cùng họ với các cư dân nói tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Mông Cổ, Tungus), ít nhiều mang trong mình chất du mục của dân săn bắn và chăn nuôi Siberia, nói chung là mang nhiều chất động hơn là tĩnh.

Thứ ba, xét về loại hình kinh tế chủ yếu thì bắt đầu từ thời kỳ đồ đồng (khoảng từ TK VIII đến TK IV trCN), nghề trồng lúa nước vốn bắt nguồn từ khu vực Đông Nam Á cổ đại phía nam sông Dương Tử qua cư dân Hoa Hạ ở lưu vực sông Hoàng Hà đã thâm nhập vào bán đảo Hàn Quốc và từ đó trở thành loại hình kinh tế chủ yếu trong suốt trường kỳ lịch sử Hàn Quốc.

Yếu tố thứ ba (loại hình kinh tế nông

ng nghiệp lúa nước) là nguồn gốc của những đặc trưng âm tính trong tính cách người Hàn, còn yếu tố đầu là nguồn gốc của những đặc trưng dương tính. Tất cả tạo nên một hệ thống với bảy đặc trưng điển hình. Chất nông nghiệp lúa nước tạo nên (1) *Lối sống trọng tình*; (2) *Khả năng linh cảm cao*; (3) *Tính trọng thể diện*. Chất nông nghiệp lúa nước cùng với môi trường sống khắc nghiệt đã tạo nên (4) *Chủ nghĩa gia đình và tính tôn ti*. Cả hai cùng với chất du mục Siberia đã tạo nên (5) *Tính nuốt "hận"*, cùng (6) *Tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính*. Và cuối cùng, chất động Siberia và môi trường sống khắc nghiệt gặp một hoàn cảnh phù hợp đã nhanh chóng tạo nên một tính cách mới: (7) *Lối làm việc cần cù và khẩn trương*. Mọi ưu điểm và nhược điểm khác trong tính cách Hàn đều chỉ là hệ quả của bảy đặc trưng này.

Hệ thống bảy đặc trưng tính cách Hàn Quốc trong quan hệ với ba nguồn gốc của chúng có thể hình dung như sau:

Nguồn gốc VH Hàn Quốc		Đặc trưng tính cách Hàn Quốc	
		Nghề nông nghiệp lúa nước	1. Lối sống trọng tình
			2. Khả năng linh cảm cao
			3. Tính trọng thể diện
	Môi trường sống khắc nghiệt		4. Chủ nghĩa gia đình và tính tôn ti
			5. Tính nuốt "hận"
Chất Siberia			6. Tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính
			7. Lối làm việc cần cù và khẩn trương

Trong ba nguồn gốc của tính cách dân tộc Hàn Quốc thì tuy chỉ có một nguồn gốc thứ ba (nghề nông nghiệp lúa nước) thiên về âm tính, song nó có ảnh hưởng rất mạnh, tác động đến sự hình thành sáu trên bảy đặc trưng tính cách Hàn Quốc. Như vậy, cấu trúc của tính cách dân tộc Hàn Quốc là có âm, có dương khá hài hoà.

## II. SO SÁNH TÍNH CÁCH HÀN VÀ TÍNH CÁCH VIỆT NAM

Xét về nguồn gốc của tính cách thì người Việt và người Hàn có hai điểm khác nhau và một điểm giống nhau.

Xét về môi trường sống như một nguồn gốc của tính cách thì hai dân tộc Hàn Việt sống trong những môi trường khác hẳn nhau. Trong khi người Hàn Quốc sống trong

môi trường khắc nghiệt với khí hậu ôn đới lạnh giá và địa hình núi đá, người Việt Nam sống ở khu vực có môi trường sống thuận tiện, với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm và địa hình sông nước, có nhiều đất đai trồng trọt và trồng được quanh năm.

Xét về nguồn gốc của dân tộc như một nguồn gốc khác của tính cách thì người Việt và người Hàn lại càng khác nhau. Trong khi tổ tiên người Hàn hiện đại là cư dân mang trong mình *chất động* của dân săn bắn và chăn nuôi Siberia thuộc ngữ hệ Altai, thì tổ tiên người Việt lại mang nhiều *chất tĩnh* của cư dân thuộc ngữ hệ Nam Á, ngay từ đầu đã sống chủ yếu bằng

hái lượm và sớm chuyển sang nông nghiệp, rồi nông nghiệp lúa nước.

Cuối cùng, xét về loại hình kinh tế chủ yếu thì cả hai dân tộc đều có chung một nguồn gốc là sống chủ yếu bằng *nghề trồng lúa nước*. Xét rộng ra về mặt văn hoá thì trong lịch sử, hai dân tộc còn có một điểm chung quan trọng là cùng nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của văn hoá Trung Hoa, nhưng điểm chung này xuất hiện muộn nhất nên hầu như không ảnh hưởng đến sự hình thành tính cách dân tộc.

Như vậy, so sánh về nguồn gốc của tính cách hai dân tộc ta thấy bức tranh như sau:

Hàn Quốc	Việt Nam
1. Môi trường sống khắc nghiệt với khí hậu lạnh giá và địa hình núi đá	1. Môi trường sống thuận tiện với khí hậu nóng ẩm và địa hình sông nước
2. Chất động của dân săn bắn và chăn nuôi Siberia-tổ tiên người Hàn hiện đại	2. Chất tĩnh của dân hái lượm và nông nghiệp Nam Á - tổ tiên người Việt hiện đại
3. Loại hình kinh tế chủ yếu là nghề nông nghiệp lúa nước	

Ở trên đã nói rằng, trong ba nguồn gốc của tính cách dân tộc Hàn thì tuy chỉ có một nguồn gốc thứ ba (nghề trồng lúa nước) thiên về âm tính, song nó có ảnh hưởng rất mạnh, do vậy cấu trúc của tính cách dân tộc Hàn Quốc là có âm tính khá hài hoà. Trong khi đó thì cả ba nguồn gốc của tính cách dân tộc Việt Nam đều thiên về âm tính, do vậy, cấu trúc của tính cách dân tộc Việt Nam thiên hẳn về âm.

Sự đồng nhất và khác biệt về ba nguồn gốc nêu trên quy định sự đồng nhất và khác biệt về hệ thống các đặc trưng tính cách.

Do chỗ nguồn gốc thứ ba (nghề trồng lúa nước) là chung cho cả hai dân tộc nên dễ hiểu là ba đặc trưng tính cách đầu (*lối sống trọng tình, khả năng linh cảm cao, tính trọng thể diện*) của hai dân tộc là giống nhau (đương nhiên, sự giống nhau này chỉ là tương đối, trong cái giống nhau vẫn có sự khác biệt, song ở đây tạm thời chưa nói đến những sự khác biệt này).

Hệ thống tính cách của hai dân tộc Hàn Quốc và Việt Nam có những nét tương đồng và dị biệt như sau:

Hàn Quốc	Việt Nam
1. Lối sống trọng tình	
2. Khả năng linh cảm cao	
3. Tính trọng thể diện	
4. Chủ nghĩa gia đình và tính tôn ti	4. Tính cộng đồng làng xã và tính dân chủ
5. Tính nước "hận"	5. Tính khoan dung
6. Tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính	6. Tính nước đôi vừa cộng đồng vừa tự trị
7. Lối làm việc cần cù và khắt khe	7. Lối làm việc chừng mực

### III. ẢNH HƯỞNG CỦA TÍNH CÁCH ĐẾN TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

#### 3.1. Chủ nghĩa gia đình và tính tôn ti với tính cộng đồng làng xã và tính dân chủ

Gia đình là đơn vị tổ chức đặc trưng phổ biến ở mọi xã hội loài người. Tuy nhiên, ở mỗi loại hình văn hoá, mỗi nền văn hoá, vai trò của gia đình rất khác nhau. Trái ngược với xã hội phương Tây coi trọng vai trò của cá nhân, xã hội nông nghiệp phương Đông coi trọng gia đình. Riêng trong nền văn hoá Hàn Quốc, gia đình không chỉ được coi trọng, mà hơn thế nữa, nó trở thành một nhân tố chi phối tổ chức xã hội, một thứ "chủ nghĩa"-chủ nghĩa gia đình. **Chủ nghĩa gia đình (Familism)** là một đặc trưng văn hoá, một tính cách dân tộc với năm đặc điểm<sup>3</sup>:

1) Gia đình, cùng với quốc gia, là những hình thái xã hội cơ bản, có vai trò quan trọng đặc biệt (từ *nhà* lên *nước*);

2) Cá nhân không thể độc lập tách rời khỏi gia đình;

3) Quan hệ giữa các thành viên gia đình được sắp xếp theo trật tự trên dưới rất rõ ràng, chặt chẽ, và nghiêm túc;

4) Gia đình có một truyền thống mà tất cả các thành viên gia đình qua các thế hệ đều quan tâm gìn giữ;

5) Cách tổ chức này không chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình mà còn được nhân rộng ra toàn xã hội.

Đối chiếu với định nghĩa này thì Việt Nam có 3 đặc điểm sau mà thiếu đặc điểm đầu; văn hoá Việt Nam coi trọng làng hơn gia đình, do vậy mà có khái niệm "làng nước"<sup>4</sup>. Hàn Quốc có cả 4 đặc

điểm, văn hoá Trung Hoa và Hàn Quốc coi trọng gia đình (nhà) hơn làng. Riêng đặc điểm số (3) thì thể hiện ở Hàn Quốc là mạnh nhất, mạnh hơn cả Trung Hoa lẫn Việt Nam.

Bởi vậy mà ở Hàn Quốc có thể nói đến chủ nghĩa gia đình là cái mà ở Việt Nam không có, còn ở Trung Hoa thì có nhưng không rõ nét bằng. Sở dĩ như vậy là vì nghề trồng lúa nước đòi hỏi tính cộng đồng cao ở một phạm vi rộng mới đủ sức chống hạn, chống lụt và làm cho kịp thời vụ, mà chất nông nghiệp lúa nước thì ở Việt Nam đậm nét hơn ở Bắc Trung Hoa và Hàn Quốc. Trong khi đó thì địa hình núi đá ở Hàn Quốc không tạo nên những cánh đồng lớn đòi hỏi tính cộng đồng cao, đồng thời nó buộc phải sống phân tán, không cho phép ở tập trung được theo ý mình, khiến cho vai trò của gia đình buộc phải lớn hơn làng xã. Đây chính là lý do tại sao Hàn Quốc có chủ nghĩa gia đình, còn Việt Nam thì thay vào đó là tính cộng đồng làng xã.

Quan hệ chủ yếu trong gia đình là quan hệ tôn ti trên dưới theo thứ bậc và tuổi tác. Bởi vậy, một khi gia đình là đơn vị được coi trọng nhất trong xã hội Hàn Quốc thì tính tôn ti gia đình mở rộng ra thành tính tôn ti xã hội. Ý thức coi trọng tôn ti của người Hàn mạnh đến mức họ rất thích xưng hô theo chức vụ, địa vị, kể cả những chức vụ rất thấp (*giáo sư Kim, giám đốc Lee, đội trưởng Park, tổ trưởng Han...*). Trong làng xã thì mọi người bình đẳng với nhau, cho nên chỉ có thể nhờ vả nhau chứ không sai bảo nhau được như trong gia đình: đây là lý do tại sao ở Việt Nam tính dân chủ tình cảm mạnh hơn tính tôn ti.

Ưu điểm của chủ nghĩa gia đình cùng tính tôn ti là tạo nên một xã hội *gắn bó chặt chẽ* và *có trật tự*. Chủ nghĩa gia đình

<sup>3</sup> Điều chỉnh trên cơ sở 5 đặc điểm của Choi Chae Seok, xem (Ko Yong Buk, 2001, tr.27).

<sup>4</sup> Trần Ngọc Thêm- *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*. Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr.200-201.

cùng tính tôn ti kết hợp với sự tuân thủ nghiêm ngặt ý thức hệ Nho giáo là nguyên nhân của sự *tôn trọng phép tắc* lễ nghĩa thái quá trong xã hội Hàn. Người Hàn ý thức rằng chỉ có như thế thì *trật tự xã hội* mới được duy trì. Đây chính là nguyên tắc "chính danh" trong tổ chức xã hội mà Khổng tử đã từng ca ngợi.

Đô thị là một hình thái tổ chức xã hội hoàn toàn khác hẳn nông thôn, nơi đây vừa đông người và mọi người thì không thể biết hết nhau, cho nên yêu cầu số một trong vận hành tổ chức đô thị là *trật tự xã hội* thể hiện dưới dạng hệ thống luật pháp phải được tuyệt đối tuân thủ. Mà yêu cầu này thì rõ ràng là người Hàn, với chủ nghĩa gia đình và tính tôn ti, có khả năng đáp ứng tốt hơn nhiều so với người Việt với tính cộng đồng làng xã và tính dân chủ tình cảm. Nhờ chủ nghĩa gia đình mà những tập đoàn tư bản Hàn Quốc (Chaebol) có được sự tổ chức chặt chẽ. Nhờ tính tôn ti mà lịch sử Hàn Quốc không bao giờ biết đến căn bệnh "trên bảo dưới không nghe" khá phổ biến trong xã hội Việt Nam quá khứ và hiện tại.

Do sự khác biệt tính cách này mà những công trình xây dựng của Hàn Quốc có chất lượng rất bảo đảm, trong khi ở những công trình xây dựng của Việt Nam thì bị "rút ruột" dẫn đến chất lượng công trình bị ảnh hưởng nghiêm trọng, có khi chưa nghiệm thu mà đã hỏng.

### 3.2. Tính nuốt "hận" với tính khoan dung

Môi trường sống khắc nghiệt ở Hàn Quốc đã tạo nên những khó khăn và nỗi khổ chồng chất. Chất nông nghiệp lúa nước thì khiến cho người Hàn chấp nhận và cam chịu những nỗi khổ ấy như là số phận. Còn chất Siberia mạnh mẽ chảy âm ỉ trong huyết quản thì lại không cho phép bỏ qua. Thành ra những nỗi niềm không

thể thổ lộ với người khác, không muốn cho người khác biết... đã chồng chất trong lòng và trở thành "hận". Hận là một nét đặc trưng tình cảm rất đặc thù của dân tộc Hàn. Với tính hướng nội, đặc điểm phổ biến của văn hoá Hàn là tình trạng *ôm hận, nuốt hận vào trong*. Do ôm hận, cho nên người Hàn rất khó có thể tha thứ được cho người Nhật những gì mà họ đã gây ra cho người Hàn trong cuộc chiến tranh (1592-1597) và trong 35 năm đô hộ (1910-1945).

Trong khi đó, do có chất nông nghiệp lúa nước mạnh hơn Hàn Quốc, nên người Việt rất dễ chấp nhận cái khác mình, "chín bỏ làm mười", tạo nên *tính khoan dung*. Trong lịch sử chống xâm lăng, người Việt thường không đánh đến cùng mà mỗi khi đã đánh giành được thế thắng thì lại hay chủ động cầu hoà để mở đường cho giặc rút lui trong danh dự. Sau chiến tranh thì dù là đối với Trung Hoa hay Nhật, Pháp, Mỹ, người Việt cũng đều khá dễ dàng gác lại quá khứ để nhìn về tương lai.

Tính nuốt hận có ưu điểm là tạo cho người Hàn một sức chịu đựng phi thường, giúp họ có *ý chí và nghị lực* để vượt qua những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua nổi. Trong tiến trình công nghiệp hoá và đô thị hoá, do mang hận nên người Hàn luôn có ý thức không muốn chịu thua người Nhật trong bất kỳ lĩnh vực nào. Trong tổ chức xã hội, họ luôn đấu tranh không khoan nhượng với chủ nghĩa độc tài, với những hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội trong sinh hoạt đô thị và quản lý đô thị. Nhờ vậy, chỉ trong vòng mấy chục năm, người Hàn đã xây dựng được không chỉ những đô thị ngang tầm thế giới mà quan trọng hơn là còn xây dựng được một nếp sống đô thị kỷ cương, ngăn nắp, gọn gàng, lịch sự.

### 3.3. Tính nước đôi của người Hàn Quốc và người Việt

Đến Hàn Quốc, người nước ngoài thường rất ngạc nhiên và có ấn tượng mạnh khi nhận thấy ở người Hàn một tính cách nước đôi đầy mâu thuẫn với những biểu hiện tương phản rõ rệt: hiền lành và mạnh mẽ, cộng đồng và cá nhân, bè phái và thống nhất, nhường nhịn và cạnh tranh, hoang phí và tằn tiện, điềm tĩnh và nóng nảy, tĩnh lặng và năng động, lười nhác và cần cù, lễ mễ và khắt khe...

Người Việt cũng là một tộc người có tính cách nước đôi: vừa có tinh thần đoàn kết tương trợ lại vừa có óc tư hữu, ích kỷ; vừa có tính tập thể hoà đồng lại vừa có óc bè phái, địa phương; vừa có nếp sống dân chủ bình đẳng lại vừa có óc gia trưởng tôn ti; vừa có tinh thần tự lập lại vừa có sự thủ tiêu vai trò cá nhân; vừa có tính cần cù và nếp sống tự cấp tự túc lại vừa có thói dựa dẫm, ỷ lại; vừa rụt rè lại vừa thích giao tiếp<sup>5</sup>...

Mối nhìn tưởng như tính nước đôi ở người Hàn và người Việt là giống nhau, nhưng thực ra chúng khác nhau hoàn toàn. Tính nước đôi của người Hàn là tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính, còn trong tính nước đôi của người Việt thì chất dương tính rất yếu, nó vẫn nằm trọn trong khuynh hướng thiên về âm tính.

Về nguồn gốc, tất cả những biểu hiện của tính nước đôi ở người Việt đều bắt nguồn từ hai đặc trưng gốc trái ngược nhau là tính cộng đồng và tính tự trị của làng xã. Tuy lúc, tuy nơi mà mặt này hoặc mặt kia sẽ được phát huy: Khi đứng trước những khó khăn lớn, những nguy cơ đe dọa sự sống còn của cả cộng đồng thì cái nổi lên sẽ là tính đoàn kết và tính tập thể; nhưng khi nguy cơ ấy qua rồi thì có thể là

thói tư hữu và óc bè phái, địa phương lại nổi lên<sup>6</sup>. Trong giao tiếp, khi thấy mình đang đứng trong cộng đồng quen thuộc thì tính thích giao tiếp nổi lên, còn khi vượt ra khỏi cộng đồng, đứng trước người lạ, thì tính rụt rè sẽ lấn át. Tính nước đôi của người Việt thường phát huy tác dụng tốt trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, một mất một còn (điển hình là trong chiến tranh), còn trong xây dựng hoà bình, trong tiến trình công nghiệp hoá và đô thị hoá thì đáng tiếc là thường mặt trái của tính nước đôi này lại nổi trội<sup>7</sup>.

Nguồn gốc tính nước đôi ở người Hàn phong phú và phức tạp hơn rất nhiều. Các nhà nghiên cứu từng đề cập đến bốn nguyên nhân là vị trí bán đảo, địa hình núi đá và đồng bằng, khí hậu hai mùa mưa và khô, lịch sử bị xâm lược và bị đè nén. Theo chúng tôi, còn có một nguyên nhân thứ năm, nhưng đây mới là nguyên nhân quan trọng nhất, nguyên nhân chủ yếu. Đó là *mâu thuẫn giữa một bên là chất du mục Siberia và địa hình núi đá với bên kia là nền kinh tế nông nghiệp lúa nước*. Kinh tế nông nghiệp lúa nước tạo nên một tính cách *thiên về âm tính*, trong khi đó thì chất du mục Siberia và địa hình núi đá lại tạo nên một tính cách *thiên về dương tính*. Chính mâu thuẫn này là cội nguồn của tính nước đôi vừa âm tính vừa dương tính trong tính cách của người Hàn, khác hẳn với tính nước đôi của người Việt là tính nước đôi mà các biểu hiện của nó đều vẫn nằm trọn vẹn trong khuynh hướng thiên về âm tính.

Những biểu hiện của tính nước đôi rất nhiều, ở đây chỉ nói đến một vài biểu hiện tiêu biểu có ảnh hưởng đến tiến trình phát triển đô thị.

<sup>6</sup> Trần Ngọc Thêm. *Sđd*, tr.198

<sup>7</sup> Trần Ngọc Thêm. *Sđd*, tr.278-279.

<sup>5</sup> Trần Ngọc Thêm. *Sđd*, tr.197, 278.

Trước hết là cặp "nuông nhịn và cạnh tranh". Người nông dân do tính cách hiền lành, điềm tĩnh, lối sống trọng tình nên trong quan hệ thì đặc tính phổ biến là *ưa nuông nhịn*. Người Việt quan niệm "một sự nhịn là chín sự lành", có chuyện gì thì cố gắng bỏ qua cho nhau "chín bỏ làm mười", nếu không bỏ qua được thì cũng "đóng cửa bảo nhau": chuyện to làm thành nhỏ, chuyện nhỏ thành không có gì. Lối ứng xử này phổ biến cả trong quan hệ giữa những người ngang hàng lẫn trong quan hệ trên-dưới. Trong văn hoá Hàn Quốc, sự nuông nhịn chỉ phổ biến trong quan hệ trên-dưới, mà chủ yếu là người dưới nuông người trên. Trong quan hệ ngang bằng thì phổ biến là sự cạnh tranh-điều mà trong văn hoá Việt Nam hầu như không có. Richard Rut (1965) giải thích nguyên nhân của tính cạnh tranh cao này là vì người Hàn chịu ảnh hưởng nhiều của tư tưởng Nho giáo với tham vọng làm quan và định hướng địa vị cao<sup>8</sup>. Người Việt cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, nhưng so với Hàn Quốc thì vai trò của Nho giáo ở Việt Nam yếu hơn nhiều, trong khi tính nông nghiệp lúa nước ở Việt Nam lại mạnh hơn. Do vậy mà ở Việt Nam tính nuông nhịn mạnh hơn tính cạnh tranh, còn ở Hàn Quốc thì tính cạnh tranh mạnh hơn tính nuông nhịn. Đây là một đặc điểm văn hoá rất quan trọng, giúp cho Hàn Quốc mau chóng trở thành một quốc gia đô thị và công nghiệp.

Tuy nhiên, dấu sao thì trước thời kỳ công nghiệp hoá và đô thị hoá, trong xã hội Hàn Quốc sự cạnh tranh hãy còn chưa mạnh, phổ biến vẫn là sự hoà thuận và giúp đỡ lẫn nhau, nhưng từ sau khi bước vào công nghiệp hoá và đô thị hoá, người Hàn đã dần dần thay đổi, xuất hiện sự so

sánh và cạnh tranh mạnh mẽ với nhau. Ngay Chính phủ Hàn Quốc cũng coi việc "tăng cường khả năng cạnh tranh" trên thế giới là một trong những mục tiêu để phát triển vì đất nước Hàn Quốc vừa nhỏ hẹp, vừa thiếu tài nguyên thiên nhiên, nhưng dân số lại nhiều, vì vậy, tiềm lực con người là quý báu.

Kết quả là ở Hàn Quốc, cuộc cạnh tranh chạy theo điểm số thành tích và bằng danh dự, công việc và sự thăng tiến, nền tảng kinh doanh và thế lực chính trị... trở thành cuộc cạnh tranh suốt đời và là một chủ đề nổi bật ở các đô thị hiện đại Hàn Quốc. Phần thưởng cho sự cạnh tranh là kinh tế tốt, nhà ở tốt, nghề nghiệp tốt, hôn nhân tốt. Thái độ cạnh tranh phổ biến đó đã mang đến những thay đổi lớn trong tính cách bên ngoài của người Hàn. Họ trở thành nổi tiếng như là một trong những dân tộc có tinh thần làm việc chăm chỉ và hiệu quả nhất trên thế giới.

### 3.4. Lối làm việc cần cù và khẩn trương với lối làm việc chững mực

Trong các nền văn hoá nông nghiệp, người nông dân rất cần cù khi vào vụ, nhưng lại tỏ ra lười nhác lúc nông nhàn. Người Hàn hay người Việt cũng đều không ra khỏi quy luật này.

Nhưng nay người Hàn đã thay đổi rất nhiều. Trải qua quá trình công nghiệp hoá, từ nông dân trở thành công nhân, người Hàn không còn chậm rãi, ung dung, và nhàn nhã như người Việt. Những người nước ngoài thường mô tả những công nhân Hàn là những con người cần cù, tự nguyện cống hiến, trung thành và đáng tin cậy.

Tinh thần lao động cần cù, chăm chỉ của người công nhân Hàn vào bậc nhất thế giới. Từ khi tiến hành công nghiệp hoá, dần thân vào nền kinh tế tốc độ, người Hàn lúc nào cũng cảm thấy thiếu thời gian, cho nên thường có tác phong

<sup>8</sup> Kim Jae Un.. *Sđd*, tr.165.

làm việc rất *khẩn trương*. Dù làm việc gì, họ lúc nào cũng *gấp gáp, nhanh nhanh*. Ở Hàn Quốc, đập vào mắt là hình ảnh người Hàn luôn vội vã, tất bật. Cuối cùng, họ cũng đã giải phóng được khỏi sự trì trệ hàng bao thế kỷ, dường như giờ đây họ đang vội vã để bù lại cho thời gian đã mất.

Trong những năm qua, họ làm việc 10 giờ trong một ngày và 6 ngày trong một

tuần ở những toà nhà kín trong thành phố và những khu công nghiệp trải dài ở ngoại ô. Trung bình một người Hàn Quốc làm việc tổng cộng 2.833 giờ trong một năm, nhiều hơn gần 1,3 lần so với người Nhật và gần 1,5 lần so với người Mỹ, trong khi số ngày nghỉ của họ lại thấp nhất-chỉ bằng một nửa số ngày nghỉ của người Nhật và bằng 1/4 số ngày nghỉ của người Mỹ.

**Số giờ làm việc và ngày nghỉ trong năm của công nhân một số nước vào những năm 80**

Tên nước	Số giờ làm việc trung bình/năm	Số ngày nghỉ trong năm
Hàn Quốc	2.833	4,5
Nhật	2.180	9,6
Anh	1.941	22,5
Mỹ	1.934	19,5

(Nguồn: Japanese Ministry of Labour 1986, dẫn theo Kim Jae Un 1991: 144)

Hiện nay Hàn Quốc đang chuyển sang chế độ làm việc 5 ngày (40 giờ) trong một tuần theo *Luật lao động* ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2003. Tuy nhiên, người Hàn Quốc không vội vàng trong việc chuyển đổi theo luật này. Họ chủ trương thực hiện một cách từ từ, tiến hành làm nhiều bước, kéo dài trong suốt 4 năm, từ năm 2004-2007.

Sở dĩ người Hàn cần mẫn và *khẩn trương* như vậy vì họ coi công việc là trung tâm, còn mọi thứ khác chỉ là thứ yếu. Người Hàn tính lương không theo thời gian làm việc mà là tính theo khối lượng công việc đã hoàn thành. Công việc đối với người Hàn là cái gì đó không bao giờ ngừng nghỉ.

Người Việt thì có triết lý vừa phải, “lắm thóc nhọc xay”, “câu sung vừa đủ xài” lại vừa không có thói quen coi trọng thời gian, coi thời gian là “cao su”, bởi vậy mà không có chí làm giàu. Chỉ khi thấy mình thua kém người xung quanh quá nhiều thì mới cố gắng, nhưng ngay khi thấy mình đã

như mọi người rồi thì lại làm việc cầm chừng. Tác phong làm việc này hoàn toàn không thích hợp với nếp sống đô thị<sup>9</sup>.

Trên đây chỉ mới là một vài nét phác thảo trong cố gắng theo hướng lý giải những thành công của người Hàn và những hạn chế của người Việt trong tiến trình phát triển đô thị. Ở đây cũng chưa bàn đến những mặt hạn chế trong tính cách người Hàn. Và cũng chưa phải mọi thứ đã lý giải được hết vì hệ thống những đặc trưng tính cách còn cần được hoàn chỉnh thêm.

**Tài liệu tham khảo**

1. Choi Choe-sok. *Tính cách xã hội của người Hàn*. 1976.
2. Yun Tae-rim. *Tính cách người Hàn*. 1964.
3. Ko Yong-bok. *Tính cách người Hàn: bàn về sự cải cách*. 2001.

<sup>9</sup> Trần Ngọc Thêm. *Sđd*, tr.287.